

Thứ hai, ngày 29 tháng 6 năm 2020

Vietnam Daily Review

GDP quý II tăng trưởng thấp nhất 10 năm, thị trường điều chỉnh mạnh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 30/06/2020		•	
Tuần 29/6-3/7/2020		•	
Tháng 6/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Ngay từ đầu phiên, sắc đỏ đã bao trùm thị trường khi Dow Jones đã giảm điểm mạnh trong phiên cuối tuần trước. Tỷ lệ mắc bệnh COVID-19 tại Hoa Kỳ tăng trưởng mạnh lại đã khiến nhiều nhà đầu tư lo lắng về tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Hơn nữa, trong phiên sáng, tổng cục thống kê cũng tuyên bố tăng trưởng kinh tế quý II/2020 chỉ đạt mức 0.36% so với cùng kỳ năm trước. Thông tin này đã tiếp tục khiến thị trường giảm sâu hơn. Mặc dù đây là mức tăng trưởng kinh tế thấp nhất của Việt Nam trong 10 năm, nhưng vẫn nằm ở mức cao khi nhiều quốc gia trên thế giới đã có tốc độ tăng trưởng âm từ quý I/2020. Dòng tiền đầu tư trong cả phiên giao dịch tiếp tục suy yếu khi chỉ có 1/19 ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại duy trì xu hướng bán ròng trên cả 2 sàn HSX và HNX. Thanh khoản tăng mạnh, biên độ nói rộng với độ rộng thị trường tiêu cực báo hiệu tâm lý bán tháo của thị trường dưới ảnh hưởng của các thông tin tiêu cực. Nhà đầu tư nên hạn chế giao dịch và theo dõi diễn biến phức tạp của COVID 19 trước khi đưa ra quyết định đầu tư trong giai đoạn tới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 780 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 29/06/2020, hầu hết chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: **Theme_Cổ tức cao - Thanh khoản tốt_-1.6%**

Phân tích kỹ thuật: PLP_Tích lũy (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-22.62** điểm, đóng cửa **829.36** điểm. HNX-Index **-3.13** điểm, đóng cửa **110.32** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **TCH(+0.12)**; **EIB (+0.09)**; **CTD(+0.07)**; **VGC (+0.06)**; **PSH(+0.05)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-2.41)**; **VNM(-1.99)**; **VCB(-1.90)**; **BID(-1.60)**; **VHM(-1.53)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **4,417** tỷ đồng, tăng **+42.7%** so với phiên trước.
- Biên độ dao động là **20.53** điểm, nói rộng so với phiên liền trước. Thị trường có **53** mã tăng, **28** mã tham chiếu và **358** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-147.46** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VNM (-66.0 tỷ)**, **SSI (-36.0 tỷ)** và **VIC (-19.5 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-3.24** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX 829.36Giá trị: 4417 tỷ **-22.62 (-2.65%)**

Khối ngoại (ròng): -147.6 tỷ

HNX-INDEX 110.32Giá trị: 623.32 tỷ **-3.13 (-2.76%)**

Khối ngoại (ròng): -3.24 tỷ

UPCOM-INDEX 55.51Giá trị: 0.23 tỷ **-0.9 (-1.6%)**

Khối ngoại(ròng): 1.72 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	37.9	-1.58%
Giá vàng	1,771	-0.01%
Tỷ giá USD/VND	23,202	-0.01%
Tỷ giá EUR/VND	26,062	0.13%
Tỷ giá JPY/VND	21,646	-0.02%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	4.25%
LS TPCP 5 năm	2.0%	2.02%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VHM	25.5	VNM	66.0
FUEVFNDC	25.2	SSI	36.1
GEX	20.0	VIC	19.5
HPG	6.6	HSG	13.9
HBC	4.6	HDB	12.3

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật Hiệu suất Danh mục i-Invest

BSC RESEARCH
Vietnam Daily Review
29/6/2020

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Cổ tức cao - Thanh khoản tốt_-1.6%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	6/24 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-1.6%	-1.6%	-0.3%	33.8%	4.0%	4.0%	15.8%
Vật liệu Xây dựng	-2.0%	-2.0%	0.2%	45.3%	-1.6%	-1.6%	20.7%
Ngành Dược	-2.1%	-2.1%	-3.6%	13.5%	-9.1%	-9.1%	18.1%
BDS & Khu công nghiệp	-2.3%	-2.3%	2.5%	31.1%	-9.1%	-9.1%	17.8%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-2.5%	-2.5%	-3.4%	27.7%	-11.9%	-11.9%	18.0%
FTSE Việt Nam	-2.6%	-2.6%	-3.6%	24.1%	-11.3%	-11.3%	17.1%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-2.7%	-2.7%	-4.7%	24.4%	-12.6%	-12.6%	16.1%
VN FinSelect	-2.8%	-2.8%	-2.7%	29.9%	-9.2%	-9.2%	19.9%
VN Diamond	-2.8%	-2.8%	-4.6%	27.7%	-15.9%	-15.9%	19.7%
Cổ phiếu hết room ngoại	-2.9%	-2.9%	-2.7%	29.6%	-13.8%	-13.8%	19.6%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-2.9%	-2.9%	-5.5%	33.4%	-14.8%	-14.8%	21.5%
Bất động sản Khu công nghiệp	-2.9%	-2.9%	-5.0%	2.1%	2.1%	2.1%	26.1%
Ngân Hàng	-3.0%	-3.0%	-2.7%	28.5%	-7.6%	-7.6%	23.3%
Top 10 cổ phiếu VN30	-3.0%	-3.0%	-4.5%	25.3%	-17.3%	-17.3%	16.8%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-3.0%	-3.0%	-3.2%	30.2%	-9.9%	-9.9%	21.4%
Nước & Năng lượng	-3.1%	-3.1%	-1.9%	26.0%	-10.6%	-10.6%	16.9%
Chiến tranh thương mại	-3.1%	-3.1%	-2.4%	38.7%	-12.1%	-12.1%	18.6%
Xây dựng	-3.2%	-3.2%	-1.8%	35.9%	-6.7%	-6.7%	19.5%
Stay-at-home	-3.4%	-3.4%	2.8%	42.4%	3.2%	3.2%	17.8%
Corona Avengers	-3.5%	-3.5%	-2.0%	44.6%	-4.7%	-4.7%	22.2%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-3.6%	-3.6%	2.8%	40.0%	-5.1%	-5.1%	22.3%
Dầu khí	-4.5%	-4.5%	1.0%	41.7%	-23.4%	-23.4%	25.3%
Hàng tiêu dùng	-4.5%	-4.5%	-1.0%	46.9%	-5.3%	-5.3%	19.9%
Lãi suất giảm	-4.8%	-4.8%	1.9%	45.4%	-4.1%	-4.1%	19.6%
Mục tiêu	1/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
M22	-2.6%	-2.6%	-2.5%	34.4%	-5.6%	-5.6%	19.0%
M12	-2.8%	-2.8%	-4.0%	26.3%	-9.8%	-9.8%	20.0%
L11	-2.8%	-2.8%	-0.1%	29.3%	-10.4%	-10.4%	17.7%
S11	-3.0%	-3.0%	0.2%	26.3%	-3.4%	-3.4%	18.8%
S21	-3.1%	-3.1%	-4.6%	31.1%	-11.3%	-11.3%	20.1%
L22	-3.2%	-3.2%	-2.3%	37.1%	-10.1%	-10.1%	20.0%
M31	-3.2%	-3.2%	-3.1%	29.7%	-11.5%	-11.5%	21.3%
S32	-3.7%	-3.7%	-4.4%	39.1%	-18.4%	-18.4%	22.6%
L32	-3.8%	-3.8%	-2.1%	45.9%	-11.6%	-11.6%	21.2%
Khẩu vị Rủi ro	0/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
HIGH3	-2.7%	-2.7%	-4.0%	33.9%	-4.6%	-4.6%	19.4%
LOW1	-2.8%	-2.8%	-2.8%	24.5%	-8.1%	-8.1%	17.3%
MID1	-3.1%	-3.1%	2.6%	39.2%	0.3%	0.3%	17.6%
INDEX							
VNINDEX	-2.7%	-2.7%	-4.1%	25.2%	-13.7%	-13.7%	17.0%
VN30INDEX	-2.6%	-2.6%	-3.9%	26.9%	-11.9%	-11.9%	17.6%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	24	6	18	6	18	19	5
Mục tiêu	9	1	8	1	8	7	2
Rủi ro	3	0	3	0	3	3	0

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

PLP_Tích lũy

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Xuất hiện Death Cross.
- Chỉ báo RSI: Ở trên giá trị 50.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26

Nhận định: PLP vẫn đang ở trong quá trình tăng giá từ đầu tháng 4 đến nay tuy nhiên đã có sự điều chỉnh ngắn hạn trong thời gian gần đây. Thanh khoản cổ phiếu đang có chiều hướng giảm dần. Phiên hôm nay, sự hưng phấn đã đẩy giá PLP tăng kịch trần, qua đó giúp cổ phiếu tiếp tục dao động trong vùng tích lũy 10.5-12.5. Các chỉ báo kỹ thuật hiện chưa có được sự đồng nhất trong trạng thái. Tuy chỉ báo động lượng RSI vẫn đang ở trên giá trị 50 nhưng chỉ báo MACD vừa xuất hiện Death Cross nên cổ phiếu có thể chưa trở lại đà tăng của mình trong ngắn hạn. Ngưỡng kháng cự gần nhất của PLP nằm tại khu vực 11.5-12. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại đỉnh cũ ở ngưỡng 13.5, cắt lỗ nếu vùng giá xung quanh 9.5 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PLX_ Tín hiệu tích cực

[Link](#)

GVR_ Tín hiệu tích

[Link](#)

PC1_ Tăng giá

[Link](#)

CTI_ Xu hướng tăng

[Link](#)

VNM_ Hưng phấn

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa chiều 29/06

*Mặt hàng	ĐVT	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	37.71	-2.03%	-7.40%	10.70%	-32.37%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	40.17	-2.07%	-6.80%	11.50%	-35.01%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	111.93	-2.95%	-13.30%	9.10%	-37.43%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1769.28	-0.11%	0.80%	3.00%	26.03%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.81	0.02%	0.50%	2.50%	17.76%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	858.00	-0.38%	-2.40%	0.20%	-9.83%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	475.25	-0.11%	-2.90%	-8.20%	-13.94%		AFX
Sữa	USD /cwt	20.93	0.05%	-0.30%	16.70%	24.07%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	143.67	-0.82%	n/a	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	11.40	-1.89%	-5.50%	4.50%	-17.33%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	96.65	0.89%	0.80%	-7.20%	-19.22%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	5957.00	1.09%	1.80%	13.30%	-0.60%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	504.24	-1.27%	-0.80%	2.70%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1601.50	2.01%	0.60%	5.00%	-11.03%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	105.68	-2.22%	-2.30%	6.70%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	56.85	1.52%	0.70%	-1.70%	-30.03%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

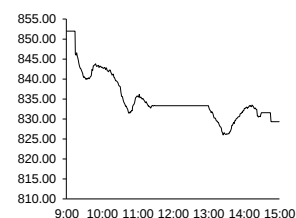
- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 8/2020 giảm -0.85 USD, hay -2.07%, xuống 40.17 USD/thùng và dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 8/2020 giảm -0.78 US cent, hay -2.03%, xuống 37.71 USD/thùng.
- Giá dầu thô thế giới giảm trong phiên thứ hai liên tiếp, khi số ca mắc mới dịch bệnh Covid-19 tăng mạnh tại Hoa Kỳ và nhiều nơi khác. Các bang Texas, Florida, California đóng cửa các quán bar, cũng như hạn chế dịch vụ ăn uống, trong khi Trung Quốc, Australia và New Zealand một lần nữa ban hành lệnh giãn cách một phần.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm nhẹ -2.01 USD, hay -0.11%, xuống 1,769.28 USD/ounce, vàng kỳ hạn tháng 8/2020 trên sàn New York tăng nhẹ 1.30 USD, hay 0.07%, lên 1,781.60 USD/ounce.
- ĐHTL giá vàng tăng tại phiên đầu tuần bởi lo ngại về làn sóng Covid-19 thứ hai làm giảm kỳ vọng về một sự hồi phục nhanh chóng, thúc đẩy nhà đầu tư tìm về các tài sản trú ẩn là vàng. Sau Texas, Florida, cùng California, Washington cũng như thành phố San Francisco cũng xem xét dừng kế hoạch mở cửa trở lại.

Hình 1

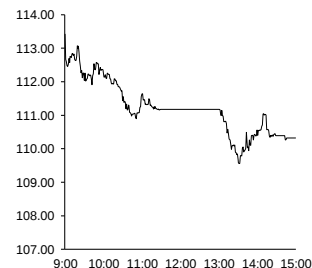
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

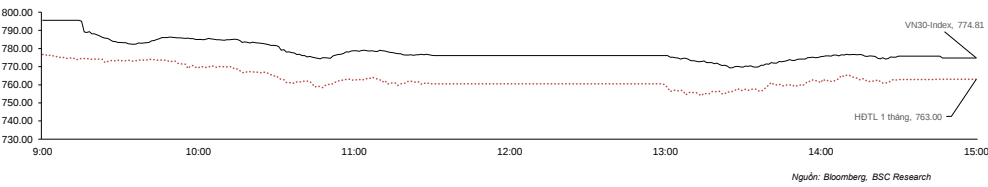
Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Hóa chất	-3.46%
Dịch vụ tài chính	-3.44%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-2.97%
Dầu khí	-2.93%
Bán lẻ	-2.89%
Ngân hàng	-2.84%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-2.82%
Du lịch và Giải trí	-2.81%
Bảo hiểm	-2.57%
Bất động sản	-2.37%
Xây dựng và Vật liệu	-2.28%
Thực phẩm và đồ uống	-2.24%
Tài nguyên Cơ bản	-2.14%
Truyền thông	-1.91%
Y tế	-1.85%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-1.79%
Công nghệ Thông tin	-1.65%
Viễn thông	0.00%
Ô tô và phụ tùng	0.53%

Nguồn: FinPro

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đạo hạn	Số ngày*
VN30F2007	763.00	-1.94%	-11.81	53.3%	218.029	7/16/2020	19
VN30F2008	754.50	-1.90%	-20.31	-7.3%	560	8/20/2020	54
VN30F2009	746.10	-2.15%	-28.71	52.7%	113	9/17/2020	82
VN30F2012	747.00	-1.98%	-27.81	52.8%	110	12/17/2020	173

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index giảm mạnh -20.72 điểm, xuống mức 774.81 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VPB, TCB, VNM, VIC, và HPG tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 giảm tiêu cực xuống gần 770 điểm, sau đó thu hẹp đà giảm, chốt phiên quanh 775 điểm. Thanh khoản tăng, VN30 có thể điều chỉnh giảm xuống quanh 760 điểm trong những phiên tiếp theo.

• Các HDTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2007 và VN30F2012 đang tăng, trong khi VN30F2008 và VN30F2009 đang giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2012, các hợp đồng đều giảm. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm kéo dài. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 780 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đạo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CHPG2001	HSC	6/30/2020	1	2:1	42,510	0.0%	5.0 triệu	36.42%	1,800	1,510	0.00%	1,327	1.14
CVJC2003	KIS	10/5/2020	98	10:1	10	0.0%	1.5 triệu	28.71%	1,670	1,190	0.00%	174	6.85
CSTB2003	KIS	9/16/2020	79	1:1	238,440	-73.1%	3.0 triệu	40.92%	1,360	1,600	-5.33%	809	1.98
CHPG2006	KIS	9/16/2020	79	2:1	2,530	-93.7%	4.0 triệu	36.42%	1,500	2,960	-7.50%	2,545	1.16
CFPT2003	SSI	11/9/2020	133	1:1	22,630	-49.3%	2.0 triệu	32.21%	7,300	8,800	-7.56%	2,343	3.76
CHPG2010	KIS	4/5/2021	280	4:1	120	-99.7%	2.0 triệu	36.42%	1,800	1,310	-7.75%	412	3.18
CSTB2002	KIS	12/16/2020	170	1:1	47,800	-60.1%	3.0 triệu	40.92%	1,700	1,760	-7.85%	943	1.87
CVHM2002	SSI	11/30/2020	154	1:1	13,150	-45.0%	1.5 triệu	36.93%	11,500	9,270	-9.91%	6,423	1.44
CHPG2002	KIS	12/16/2020	170	2:1	159,950	-30.4%	3.0 triệu	36.42%	1,700	1,510	-10.12%	813	1.86
CHPG2008	SSI	11/30/2020	154	1:1	120,560	297.8%	5.0 triệu	36.42%	4,100	3,200	-10.86%	2,169	1.48
CMWG2006	VCSC	10/26/2020	119	5:1	730	-57.1%	1.5 triệu	39.71%	2,000	790	-11.24%	213	3.71
CVNM2002	KIS	12/16/2020	170	5:1	167,010	266.3%	3.0 triệu	31.38%	3,200	1,240	-12.68%	459	2.70
CDPM2002	KIS	12/16/2020	170	1:1	229,180	133.5%	2.0 triệu	41.08%	1,700	2,340	-13.33%	1,338	1.75
CMBB2003	SSI	11/9/2020	133	1:1	78,150	175.2%	3.0 triệu	34.45%	2,000	1,560	-13.33%	1,049	1.49
CTCB2003	VCSC	10/26/2020	119	1:1	6,280	77.9%	1.5 triệu	36.42%	2,000	710	-13.41%	323	2.20
CFPT2005	VND	7/1/2020	2	1:1	43,830	210.9%	1.0 triệu	32.21%	2,900	4,960	-14.19%	2	2,934.91
CHPG2007	KIS	7/16/2020	17	1:1	121,030	378.8%	2.5 triệu	36.42%	1,660	3,790	-14.45%	3,723	1.02
CMWG2008	HSC	10/29/2020	122	10:1	46,890	50.8%	5.0 triệu	39.71%	1,300	850	-17.48%	652	1.30
CVPB2005	MBS	8/18/2020	50	2:1	239,850	58.1%	2.0 triệu	44.11%	1,510	1,300	-21.69%	1,142	1.14
CMSN2003	KIS	7/16/2020	17	2:1	285,310	9.2%	2.0 triệu	34.24%	1,900	70	-30.00%	0	170.73
Tổng:					1,823,450		48.50 triệu	36.58%**					

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất

Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi

Số ngày: Số ngày đến thời điểm đạo hạn

*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 29/06/2020, hầu hết chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm.

• Về giá, CCTD2001 tăng mạnh 12.93%. Trái lại, CVPB2003 và CSTB2004 giảm mạnh lần lượt là -30.77% và -26.43%. Giá trị giao dịch giảm -17.48%. CMWG2008 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 9.93% thị trường.

• Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là HPG và VPB, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CHPG2005 và CHPG2007 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CVNM2003 và CMWG2006 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh

vinhtr@bsc.com.vn

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
EIB	18.00	1.41	0.34
CTD	70.00	4.79	0.14
ROS	2.99	-2.61	-0.03
NVL	62.20	-0.32	-0.09
REE	30.70	-1.60	-0.10

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	111.9	-3.45	-2.96
VPB	21.0	-4.55	-2.24
TCB	19.7	-3.44	-2.09
VIC	89.0	-2.73	-1.57
HPG	26.7	-2.02	-1.19

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG2001	27,600	24,000	26,650
CVJC2003	140,156	123,456	106,800
CSTB2003	12,471	11,111	10,950
CHPG2006	25,022	22,022	26,650
CFPT2003	57,300	50,000	46,050
CHPG2010	40,300	33,100	26,650
CSTB2002	13,588	11,888	10,950
CVHM2002	88,500	77,000	74,000
CHPG2002	33,399	29,999	26,650
CHPG2008	32,100	28,000	26,650
CMWG2006	120,000	110,000	81,500
CVNM2002	157,111	141,111	111,900
CDPM2002	16,952	15,252	14,300
CMBB2003	20,000	18,000	16,850
CTCB2003	27,000	25,000	19,650
CFPT2005	51,900	49,000	46,050
CHPG2007	24,659	22,999	26,650
CMWG2008	98,000	85,000	81,500
CVPB2005	22,520	19,500	21,000
CMSN2003	73,799	69,999	55,100

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	81.5	-3.2%	1.2	1,605	3.9	8,808	9.3	2.8	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	57.5	-3.5%	1.3	563	1.5	5,248	11.0	2.6	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	45.8	-3.7%	1.3	1,477	1.6	1,307	35.0	1.8	28.3%	5.3%
PVI	Bảo hiểm	30.6	1.7%	0.4	297	0.1	2,056	14.9	1.0	54.4%	6.8%
VIC	Bất động sản	89.0	-2.7%	0.8	13,089	1.4	2,095	42.5	3.7	13.9%	10.6%
VRE	Bất động sản	25.4	-3.1%	1.1	2,509	2.4	1,226	20.7	2.1	30.9%	10.3%
NVL	Bất động sản	62.2	-0.3%	0.8	2,622	3.7	3,584	17.4	2.7	6.0%	16.3%
REE	Bất động sản	30.7	-1.6%	0.8	414	0.5	4,976	6.2	0.9	49.0%	16.0%
DXG	Bất động sản	11.3	-5.8%	1.3	255	2.2	2,289	4.9	0.8	41.0%	15.9%
SSI	Chứng khoán	14.8	-4.5%	1.3	387	4.9	1,415	10.5	0.8	50.2%	7.8%
VCI	Chứng khoán	21.0	-6.5%	1.0	150	0.7	4,240	5.0	0.9	27.9%	18.0%
HCM	Chứng khoán	18.4	-4.2%	1.8	243	2.1	1,480	12.4	1.3	52.4%	12.0%
FPT	Công nghệ	46.1	-1.7%	0.8	1,570	2.6	4,804	9.6	2.1	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	52.6	-5.4%	0.4	569	0.0	4,812	10.9	2.8	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	69.7	-3.5%	1.5	5,800	1.8	5,820	12.0	2.6	3.3%	23.6%
PLX	Dầu khí	44.5	-2.8%	1.5	2,304	4.2	869	51.2	2.8	13.6%	5.7%
PVS	Dầu khí	12.0	-3.2%	1.6	249	1.9	1,238	9.7	0.5	11.7%	4.8%
BSR	Dầu khí	6.8	-5.6%	0.8	917	1.6	898	7.6	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	89.8	-1.4%	0.5	510	0.0	5,046	17.8	3.3	54.5%	20.2%
DPM	Hóa chất	14.3	-3.4%	0.4	243	2.3	1,006	14.2	0.7	11.3%	5.4%
DCM	Hóa chất	8.9	-4.0%	0.4	204	1.3	415	21.4	0.8	1.9%	3.7%
VCB	Ngân hàng	81.5	-2.2%	1.2	13,142	2.1	4,848	16.8	3.6	23.8%	22.8%
BID	Ngân hàng	38.5	-3.5%	1.4	6,733	2.3	2,140	18.0	2.0	17.7%	12.0%
CTG	Ngân hàng	21.9	-2.9%	1.2	3,545	4.4	2,510	8.7	1.0	29.9%	12.6%
VPB	Ngân hàng	21.0	-4.5%	1.2	2,226	4.0	3,750	5.6	1.1	23.4%	22.7%
MBB	Ngân hàng	16.9	-2.9%	1.1	1,767	4.4	3,398	5.0	1.0	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	22.9	-3.0%	1.0	1,656	4.4	3,780	6.1	1.3	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	52.8	-3.1%	0.9	188	0.5	5,303	10.0	1.7	81.2%	17.0%
NTP	Nhựa	32.0	-5.9%	0.4	164	0.1	4,208	7.6	1.2	18.9%	17.0%
MSR	Tài nguyên	15.1	-5.6%	0.5	649	0.0	356	42.4	1.2	1.9%	2.9%
HPG	Thép	26.7	-2.0%	1.1	3,199	14.3	2,764	9.6	1.5	35.9%	17.4%
HSG	Thép	11.8	-3.7%	1.5	228	6.7	1,493	7.9	0.9	12.5%	11.4%
VNM	Tiêu dùng	111.9	-3.5%	0.7	8,472	7.4	5,453	20.5	6.5	58.7%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	160.5	-2.6%	0.8	4,475	0.4	6,719	23.9	6.0	63.3%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	55.1	-2.3%	1.0	2,800	4.1	3,961	13.9	1.5	38.9%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	13.9	-4.5%	0.7	355	1.3	171	81.4	1.1	5.7%	1.5%
ACV	Vận tải	60.0	-1.6%	0.8	5,679	1.5	3,450	17.4	3.6	3.4%	22.3%
VJC	Vận tải	106.8	-1.6%	1.1	2,432	1.5	7,110	15.0	3.8	18.2%	26.3%
HVN	Vận tải	24.9	-5.3%	1.7	1,535	0.9	1,654	15.1	1.9	9.3%	12.9%
GMD	Vận tải	19.0	-3.1%	0.9	245	0.3	1,583	12.0	0.9	49.0%	7.8%
PVT	Vận tải	10.6	-1.4%	1.1	130	0.5	2,117	5.0	0.7	25.2%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	61.0	-2.6%	0.9	412	0.5	9,201	6.6	2.9	2.8%	45.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.4	2.4%	0.8	377	0.4	1,453	13.3	1.3	10.0%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	13.4	-2.2%	1.0	222	0.1	1,938	6.9	0.9	6.4%	13.8%
CTD	Xây dựng	70.0	4.8%	1.1	232	3.3	8,032	8.7	0.6	46.3%	7.3%
VCG	Xây dựng	26.4	-6.0%	0.3	507	0.5	1,498	17.6	1.7	0.5%	10.0%
CII	Xây dựng	18.2	-3.5%	0.3	188	1.3	1,775	10.2	0.8	39.6%	8.5%
POW	Điện	9.8	-3.9%	0.6	998	3.0	1,028	9.5	0.9	11.5%	9.4%
NT2	Điện	21.4	-2.5%	0.5	267	0.2	2,543	8.4	1.4	18.0%	18.1%

Thông kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TCH	22.90	5.53	0.12	5.06MLN
EIB	18.00	1.41	0.09	52920.00
CTD	70.00	4.79	0.07	1.11MLN
VGC	19.35	2.38	0.06	446090.00
PSH	23.40	6.85	0.05	38030.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-2.41	359370.00	1.11MLN
VNM	0.00	-1.99	1.52MLN	607060.00
VCB	0.00	-1.90	594140.00	373600.00
BID	0.00	-1.61	1.33MLN	192700.00
VHM	0.00	-1.53	1.07MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BCG	6.59	6.98	0.01	1.03MLN
BRC	10.75	6.97	0.00	10.00
TNC	22.45	6.90	0.01	30.00
DAT	10.90	6.86	0.01	10.00
PSH	23.40	6.85	0.05	38030.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CKG	10.65	-14.46	-0.03	719390.00
HAH	10.00	-13.42	-0.02	112950.00
POM	5.58	-7.00	-0.03	23940.00
CMX	15.30	-6.99	-0.01	573340.00
TSC	2.80	-6.98	-0.01	2.03MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



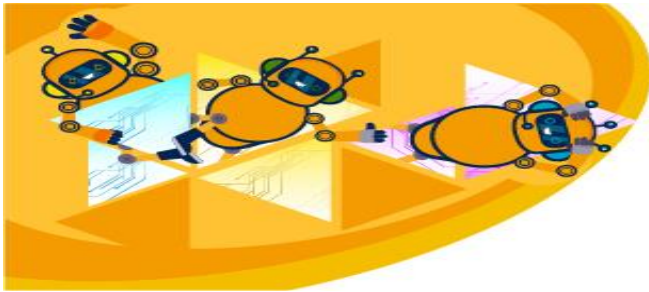
Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020	Phân tích ngành		Click
4	BSC_Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
8	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
12	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
13	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
14	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
18	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
19	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
20	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/2020	63.9	70.8	55.1	3,961	13.9	1.5	Click
2	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/2020	38.9	43.2	38.8	4,717	8.2	1.4	Click
3	HSG	VLXD	Mua	2/6/2020	10.1	12.4	11.8	1,493	7.9	0.9	Click
4	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/05/202	40.0	44.2	42.7	5,479	7.8	2.1	Click
5	SZC	Bất động sản	Mua	20/05/2018	18.7	22.2	18.9	1,140	16.5	1.6	Click
6	HPG	VLXD	Mua	20/05/2019	26.2	36.7	26.7	2,764	9.6	1.5	Click
7	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/05/2020	21.3	25.0	19.7	2,987	6.6	1.1	Click
8	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/2020	62.0	64.5	57.5	5,248	11.0	2.6	Click
9	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/2020	125.0	145.9	134.5	5,718	23.5	8.3	Click
10	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/2020	10.6	15.4	11.3	2,289	4.9	0.8	Click
11	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/2020	16.4	18.8	14.9	1,496	10.0	0.9	Click
12	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/2020	27.3	N/a	19.7	7,637	2.6	0.9	Click
13	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	21.2	5,311	4.0	1.0	Click
14	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	35.8	4,465	8.0	1.5	Click
15	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	81.5	4,848	16.8	3.6	Click
16	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	22.9	3,780	6.1	1.3	Click
17	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	35.2	6,553	5.4	1.3	Click
18	PHR	Cao su	Mua	21/4/2020	43.7	51.9	49.7	3,887	12.8	2.5	Click
19	FPT	Công nghệ	Mua	16/4/2020	46.4	60.7	46.1	4,804	9.6	2.1	Click
20	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	19.0	1,583	12.0	0.9	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gói báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express VGI 2020Q2	29/5/2020	Dự báo KQKD: Doanh thu tăng trưởng 10-15%, LNTT 2020 đạt dương. Không chia cổ tức năm 2019 Về ảnh hưởng của dịch Covid đến hoạt động viễn thông dự kiến doanh thu dịch vụ giảm 10% vì Covid -19. Hành vi người tiêu dùng thay đổi: (1) Ở nhà nên doanh thu chủ yếu từ thuê bao (2) Nhu cầu giao dịch giảm. Tuy nhiên, công ty vẫn giữ kế hoạch cả năm tăng trưởng dương
VEA 2020Q2	27/5/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 44210 ; Giá tại Publish 40000 BSC ước tính lợi nhuận sau thuế của VEA trong năm 2020 đạt 5,921 tỷ VND (~19% yoy) tương đương với 4,421 đồng/cp, P/E fwd = 9x (thấp hơn P/E trung bình khu vực 10.7x – mục lục) với giả định (1) sản lượng tiêu thụ xe máy năm 2020 giảm -10% yoy (2) sản lượng tiêu thụ ô tô (Honda, Toyota) giảm -30% yoy (3) mức lợi nhuận ròng của Honda ở mức 15.5% (giảm từ mức 16% năm 2019), lợi nhuận ròng Toyota ở mức 10.5% (giảm từ 11% năm 2019).
Express DGC3 2020Q2	26/5/2020	Dự báo KQKD: Kế hoạch 2020: + Tập đoàn DGC: tăng LNST kế hoạch 2020 lên 700 tỷ (từ mức 600 tỷ) (+22.4% YoY). + Công ty con: PAC: năm 2019 lãi 10 tỷ, Q1.20: lãi 30 tỷ, dự kiến 2020 lãi 100 tỷ Trong năm 2019: + Việc không điều chỉnh giá bán P4 trong khi nhu cầu tiêu thụ thấp khiến KQKD sụt giảm, mất nhiều thị trường => Dấu hiệu: khả năng purchase power thấp + Sau khi mua thêm 2 lò cao, thị phần đạt 70%. 6 lò cao: 1 + 2: 50 – 60% công suất, 3 + 4: phập phù, 5: chạy full, 6: còn đang lắp
Express TCB 2020Q2	20/5/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 25000 ; Giá tại Publish 21300 Dự báo KQKD: BSC dự báo TCB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt ở mức 25,163 tỷ VND và 14,159 tỷ VND (giảm lần lượt 3% và 6.7% so với báo cáo trước). BVPS 2020 ở mức 20,947 VND/cp. Catalyst: Chất lượng tài sản được kiểm soát tốt trong điều kiện dịch bệnh. Định giá ở mức hấp dẫn.
VTP 2020Q2	19/5/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 145900 ; Giá tại Publish 125000 Dự báo KQKD: BSC dự báo năm 2020 doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt 11,358 tỷ (+45.4% YoY) và 482 tỷ (+26.8% YoY). EPS fw 2020 đạt 7,085 VND, tương ứng với mức PE fw 2020 là 17.6. Rủi ro Đầu tư: Cạnh tranh giữa các công ty Bưu chính truyền thống và các công ty khởi nghiệp Chuyển phát nhanh. Cập nhật KQKD: Viettel Post công bố kết quả kinh doanh quý 1 năm 2020 với tốc độ tăng trưởng hai chữ số. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 2,460 tỷ (+83.6% YoY) và 97 tỷ (+26.2% YoY).

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công

Trí

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong

Trần Thành Hưng

Nguyễn Hoàng Dương

Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

hungtt@bsc.com.vn

duongnh@bsc.com.vn

nguyennh@bsc.com.vn